

Số: 3109 /QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 28 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 (lần 3)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 22/5/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn thành phố Biên Hòa (lần 01);

Theo Tờ trình số 2582/TTr-TCKH ngày 26/5/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 3).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Phòng, Ban, Đoàn thể, Hội, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố Biên Hòa, Văn phòng Thành ủy và Ban Chỉ huy quân sự thành phố Biên Hòa năm 2025 (lần 3), (phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, đề nghị Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và Phòng giao dịch số 14 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XV phối hợp thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT.Thành ủy BH;
- TT.HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Quốc Thái

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3105** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 5 năm 2025 của
UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Mã số QHNS: 1073249



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
1	Chi quản lý hành chính:	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-4.800.000
1.1.1	Thanh toán cá nhân	0
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	0
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-4.800.000
	- Kinh phí hoạt động	-4.800.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	4.800.000
1.2.1	Kinh phí hoạt động của thường trực UBND:	-139.100.000
	- Kinh phí hoạt động	-139.100.000
1.2.2	Kinh phí Đoàn vào-Đoàn ra	-800.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-800.000.000
1.2.3	Kinh phí ATGT	-1.035.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-1.035.000.000
1.2.4	Kinh phí Hội nghị trực tuyến	-135.000.000
	- Kinh phí hoạt động	-135.000.000
1.2.5	Kinh phí cưỡng chế	2.109.100.000
	- Kinh phí hoạt động	2.109.100.000
1.2.6	Kinh phí hỗ trợ tết	4.800.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3109** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**Đơn vị: **PHÒNG NỘI VỤ**Mã số: **1063828**

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
1	Chi quản lý hành chính:	0
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ:	0
1.2.1	Kinh phí cải cách hành chính	-47.500.000
	- Kinh phí hoạt động	-47.500.000
1.2.2	Kinh phí phục vụ công tác QLNN về văn thư lưu trữ thành phố	47.500.000
	- Kinh phí hoạt động	47.500.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3105** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: PHÒNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

Mã số: 1012677



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	88.500.755.647
I	Chi quản lý hành chính:	-66.514.921
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-76.114.921
1.1	Thanh toán cá nhân	0
1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-76.114.921
1.2.1	Giảm dự toán năm trước chuyển sang năm sau (do số liệu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 chưa đúng)	-66.514.921
1.2.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-9.600.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	9.600.000
2.1	Kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên đán	9.600.000
II	Chi sự nghiệp giáo dục	88.567.270.568
1	Kinh phí hỗ trợ điều tra phổ cập giáo dục theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	7.869.640.000
	+ Khối Mẫu giáo, Mầm non	689.040.000
	+ Khối Tiểu học	4.384.600.000
	+ Khối Trung học cơ sở	2.796.000.000
2	Kinh phí dạy các lớp phổ cập giáo dục theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	255.000.000
	+ THCS Trần Hưng Đạo	137.700.000
	+ THCS Tam Hiệp	117.300.000
3	Kinh phí hỗ trợ giáo viên theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	9.741.000.000
	+ Khối Mẫu giáo, Mầm non	5.082.000.000
	+ Khối Tiểu học	1.776.000.000
	+ Khối Trung học cơ sở	2.883.000.000
4	Kinh phí miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	2.403.450.000
	+ Khối Mẫu giáo, Mầm non	27.750.000
	+ Khối Tiểu học	1.103.400.000

STT	Nội dung	Tổng số
	+ Khối Trung học cơ sở	1.272.300.000
5	Kinh phí phụ cấp cho giáo viên dạy học sinh hòa nhập	42.800.237.000
	+ Khối Mẫu giáo, Mầm non	158.544.000
	+ Khối Tiểu học	25.483.486.000
	+ Khối Trung học cơ sở	17.158.207.000
6	Hỗ trợ Học phí cho học viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	18.858.665.500
7	Kinh phí hỗ trợ học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn không đủ trường tiểu học công lập năm học 2024-2025 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021	6.907.680.000
8	Giảm dự toán năm trước chuyển sang năm sau (do số liệu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 chưa đúng)	-1.063.132.032
	+ Khối Tiểu học	-281.698.461
	+ Khối Trung học cơ sở	-781.433.571
9	Sửa chữa các trường học	794.730.100
	+ TH Trần Văn Ôn	44.485.607
	+ TH Tam Hiệp B	156.765.405
	+ THCS Trần Hưng Đạo	495.087.636
	+ THCS Hòa Bình	98.391.452

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3109 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

BỘ SƯNG DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**Đơn vị: PHÒNG TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG****Mã số: 1063838**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
1	Số thu phí, lệ phí:	155.940.000
1.1	Lệ phí	0
1.2	Phí	30.000.000
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	30.000.000
2	Số thu khác	125.940.000
	- Thẩm định cấp Giấy CNQSDĐ	125.940.000
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại:	3.000.000
3.1	Chi quản lý hành chính	3.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.000.000
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	3.000.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
4	Số phí, lệ phí nộp NSNN	27.000.000
4.1	Lệ phí	0
4.2	Phí	27.000.000
	- Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	27.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.940.000.000
1	Chi quản lý hành chính:	0
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0
	Thanh toán cá nhân	
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	0
2	Chi các sự nghiệp	6.940.000.000
2.1	Sự nghiệp Địa chính	6.940.000.000
2.1.1	- Kinh phí thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính phường Trảng Dài	2.700.000.000
2.1.2	- Kinh phí thực hiện kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phường Trảng Dài	4.240.000.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3105** /QĐ-UBND ngày **28** tháng **5** năm 2025 của
UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**Đơn vị: PHÒNG Y TẾ****Mã số: 1013459**

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-59.571.023.000
1	Chi quản lý hành chính:	41.977.000
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-67.689.000
1.1.1	Thanh toán cá nhân	0
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	0
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-67.689.000
	- Kinh phí hoạt động	-67.689.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	109.666.000
1.2.1	- Kinh phí thực hiện công tác khám Nghĩa vụ Quân sự năm 2024 để giao quân năm 2025	41.977.000
1.2.2	- Điều chỉnh giảm kinh phí hoạt động xử phạt VPHC lĩnh vực y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm	-90.000.000
1.2.3	- Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ nguồn nhân lực Y tế theo Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	-18.000.000
1.2.4	- Điều chỉnh giảm kinh phí Chương trình công tác của ngành y tế thành phố	-45.000.000
1.2.5	- Kinh phí Tuyển sinh quân sự năm 2025	220.689.000
2	Chi sự nghiệp:	-59.613.000.000
2.1	Kinh phí đảm bảo xã hội :	-59.613.000.000
	- Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho đối tượng BTXH, trợ cấp tiết các đối tượng, mai táng phí, phí trả qua bưu điện, chi khác (trợ cấp đột xuất, thu gom đối tượng lang thang,...) năm 2025	-59.613.000.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3109 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

**BỘ SƯNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025****Đơn vị: PHÒNG TƯ PHÁP****Mã số: 1067320***Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	359.762.832
1	Chi quản lý hành chính:	359.762.832
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
1.1.1	Thanh toán cá nhân	0
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	0
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	359.762.832
1.2.1	- Kinh phí chi trả chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ	359.762.832

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3109 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025 của
UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

PHÒNG VĂN HÓA, KHOA HỌC VÀ THÔNG TIN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã số: 1135171



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
1	Chi quản lý hành chính	0
2	Các sự nghiệp:	0
2.1	Sự nghiệp văn hóa:	0
2.1.1	- Kinh phí tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm.	-109.000.000
2.1.2	- Kinh phí thực hiện kỷ yếu chào mừng đánh dấu những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2020-2025.	109.000.000
2.1.3	- Kinh phí chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII (nhiệm kỳ 2025-2030).	-184.400.000
2.1.4	- Kinh phí tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025) và Ngày Quốc tế lao động 01/5.	184.400.000

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: VĂN PHÒNG THÀNH ỦY BIÊN HÒA

Mã số: 1008811



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	-
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-34.889.228.200
1	Chi quản lý hành chính:	-34.889.228.200
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	0
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	0
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	-34.889.228.200
1.2.1	- Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí hỗ trợ tết Đảng viên năm 2025	-24.986.800.000
1.2.2	- Điều chỉnh giảm dự toán kinh phí sửa chữa trụ sở Thành ủy Biên Hòa phục vụ Đại hội Đảng bộ thành phố Khốa XIII nhiệm kỳ (2025-2030)	-10.350.000.000
1.2.3	- Kinh phí chi trả chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ	447.571.800

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3109 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: **ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM**

THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã số: 1063835



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	-
1	Số thu phí, lệ phí:	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-639.800
1	Chi quản lý hành chính:	-639.800
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-639.800
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	0
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	-639.800
	- Điều chỉnh giảm dự toán năm trước chuyển sang năm sau (do số liệu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 chưa đúng)	-639.800
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	0

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3109** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

Đơn vị: THÀNH ĐOÀN BIÊN HÒA.

Mã số: 1063836

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
1	Chi quản lý hành chính:	0
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0
	Thanh toán cá nhân	0
	Kinh phí hoạt động thường xuyên	0
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	0
1.2.1	- Kinh phí thực hiện các hoạt động tại Phố đi bộ Nguyễn Văn Trại	-37.400.000
1.2.2	- Kinh phí tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong “Không gian văn hóa ẩm thực Biên Hòa” tại tuyến đường Phan Trung	37.400.000
1.2.3	- Kinh phí tổ chức hoạt động tại Festival Sách thành phố Biên Hòa	-45.000.000
1.2.4	- Kinh phí thực hiện Đề án 8 nhóm Thanh niên (Đề án 55)	-77.750.000
1.2.5	- Kinh phí tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước	122.750.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3109 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: **HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA.**

Mã số: 1063829



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0
1	Chi quản lý hành chính:	0
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	0
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	-37.995.000
	- Kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc theo Quyết định số 8586-QĐ/TU ngày 24/02/2025	37.995.000
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	0
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	0
	- Kinh phí hỗ trợ Phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn năm 2017-2025 (Đề án 939)	-54.000.000
	- Kinh phí hoạt động Ban "Vì sự tiên bộ Phụ nữ"	54.000.000
	- Kinh phí tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027 (Đề án 938)	-90.000.000
	- Kinh phí Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp	-22.832.000
	- Đề án tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý và phát huy vai trò của phụ nữ trên địa bàn TP.Biên Hòa (Đề án 43)	112.832.000
	+ <i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>112.832.000</i>

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3109** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
Đơn vị: HỘI CHIẾN SỸ CÁCH MẠNG BỊ ĐỊCH BẮT TÙ ĐÀY
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
Mã số: 1115009



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	70.500.000
1	Chi quản lý hành chính:	70.500.000
1.1	Kinh phí không thực hiện tự chủ :	70.500.000
	- Thanh toán cá nhân	0
	- Kinh phí hoạt động thường xuyên	0
	- Kinh phí dự lễ kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Côn Đảo	70.500.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3109 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Biên Hòa)

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị : TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ

(Đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo Nghị định số
60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ)

Mã số: 9019628

Đơn vị : đồng

NỘI DUNG	Tổng số
I. Dự toán thu :	0
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước:	86.975.021
1. Chi sự nghiệp:	86.975.021
1.1. Sự nghiệp địa chính:	86.975.021
Kinh phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất cho hộ gia đình, cá nhân được xét giải quyết nơi ở diện không ưu đãi tại 03 dự án tái định cư trên địa bàn thành phố (đã được phê duyệt giá đất)	86.975.021

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3109** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)



BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
Đơn vị: TRUNG TÂM VĂN HÓA - THÔNG TIN - THỂ THAO
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
MÃ QHNS: 1128923

STT	NỘI DUNG CHI	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA
1	2	4
A	PHẦN DỰ TOÁN THU - CHI SỰ NGHIỆP	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP	97.200.000
I	Chi hoạt động thường xuyên:	0
II	Chi hoạt động không thường xuyên:	97.200.000
	- Kinh phí thực hiện cụm trang trí cổng sau trụ sở khối nhà nước tỉnh Đồng Nai.	97.200.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **3109** /QĐ-UBND ngày **29** tháng 5 năm 2025 của
UBND thành phố Biên Hòa)

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ SỰ
NGHIỆP KHÁC NĂM 2025**

Đơn vị: BAN QUẢN LÝ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Mã số: 3025816



Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	Tổng nguồn thu	0
B	Tổng nguồn tài chính (II+III)	0
C	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-40.784.000.000
I	Sự nghiệp môi trường	22.601.000.000
1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	22.601.000.000
1.1	- Kinh phí dịch vụ công ích: quét đường, duy trì dải phân cách, nạo vét mương cống,...	-5.335.315.000
1.2	- Kinh phí xử lý nước thải sinh hoạt tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1, giai đoạn 1A, công suất 3.000m ³ /ngày, đêm	-4.000.000.000
1.3	- Chi phí tư vấn (thẩm định giá, tổ chức lựa chọn nhà thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói xúc, vận chuyển và xử lý rác)	-607.996.605
1.4	- Hoạt động xúc, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	-76.082.842.102
1.5	- Hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp sản xuất mùn hữu cơ (compost) bảo đảm tỷ lệ chôn lấp dưới 15%	-144.291.911.155
1.6	Kinh phí thanh toán khối lượng đã thực hiện xúc, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2024	220.982.749.862
1.7	Kinh phí thực hiện công tác xúc, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Biên Hòa năm 2025	31.936.315.000
II	Sự nghiệp thị chính	-55.861.000.000
1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-55.861.000.000
1.1	- Tiền điện, nước công cộng	
1.2	- Kinh phí dịch vụ công ích: chăm sóc công viên, vòng xoay, dây phân cách, cây xanh; quản lý, vận hành, duy tu sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, chi phí tư vấn, thẩm định giá,...	-55.861.000.000
III	Sự nghiệp giao thông	-7.524.000.000

STT	Nội dung	Tổng số
1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-7.524.000.000
1.1	- Kinh phí dịch vụ công ích: duy tu thường xuyên cầu, đường, hầm, suối,...	-7.524.000.000

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số **3109** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 05 năm 2025 của UBND thành phố Biên Hòa)

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

Đơn vị: BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA.

Mã số QHNS: 1053630



Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Chi thường xuyên:	701.340.000
1	Chi các khoản trợ cấp, phụ cấp theo lương	-
2	Chi hoạt động thường xuyên	701.340.000
	- Kinh phí bảo đảm cho nhiệm vụ bắn pháo hoa đêm giao thừa nhân dịp Tết Nguyên đán Ất tỵ năm 2025 (nguồn XHH)	701.340.000
II	Chi không thường xuyên:	-